TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG.**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HN&GĐ-ST

Ngày: 06/4/2022.

V/v:"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Thu H□ơng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà **Phạm Thị Lan.**

2. Bà **Nguyễn Thị Bích Nga.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Triệu Thị Loan**- Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân thành phố Hải D- ơng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải D- ơng tham gia phiên toà: Bà **Trần Thị Hải Yến** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải D- ơng, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 551/2021/TLST- HN&GĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 3 năm 2022 giữa:

- **Nguyên đơn**: Chị **Nguyễn Thị Vân A,** sinh năm 1994.

ĐHKHTT: Số 9/125 LTN, phường PNL, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Hiện trú tại: Số 112 LĐC, khu 9 phường HT, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Phạm Ngọc T**, sinh năm 1991.

ĐKHKTT và cư trú tại: Số 9/125 LTN, phường PNL, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Chị Vân A, anh T đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Vân A trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai**

chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa thể hiện: Chị và anh Phạm Ngọc T tự nguyện tìm hiểu, hai bên có tổ chức cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND phường LTN, thành phố Hải Dương vào ngày 14/9/2015. Sau khi đăng ký kết hôn chị về sống chung cùng bố mẹ đẻ anh T tại địa chỉ số 9/125 LTN, phường PNL, thành phố Hải Dương được 01 năm. Sau đó chị và con trai lớn (D) trở về nhà bố mẹ đẻ chị ở tại địa chỉ số 112 LĐC, phường HT, thành phố Hải Dương ở từ khoảng năm 2016 cho đến nay. Còn anh T ở lại nhà cùng bố mẹ đẻ anh T và anh T đi lại hai bên. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận khoảng được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do trong cuộc sống không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống tuy anh T có thỉnh thoảng về nhà bố mẹ chị thăm vợ con có lần ở lại có lần không ở cùng với chị. Khi vợ chồng ở tại nhà bố mẹ chị thường hay xảy ra cãi vã nhau, đánh nhau. Được bố mẹ chị hòa giải còn bố mẹ anh T không biết nên không hòa giải cho vợ chồng. Đến tháng 9/2021 do nhà bố mẹ đẻ anh T xây nhà nên anh T dọn về sống cùng chị và các con tại nhà bố mẹ đẻ chị. Tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng vẫn mâu thuẫn không sống chung cùng phòng và đã sống ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay. Do mâu thuẫn và không còn tình cảm với anh T chị làm đơn xin ly hôn anh T. Gia đình anh T có biết và bố anh T có gặp khuyên chị để vợ chồng về sống chung nhưng chị vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn với anh T. Quá trình Tòa án giải quyết anh T trở về nhà bố mẹ đẻ anh T ở số 9/125 LTN, phường PNL, thành phố Hải Dương từ tháng 01/2022 cho đến nay và vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng vợ chồng đã sống ly thân, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

* Về con chung: Chị và anh T có hai con chung Phạm Ngọc Tùng D, sinh ngày 02/4/2016 và Phạm Phương Th, sinh ngày 24/5/2018. Hiện nay hai con do chị chăm sóc nuôi dưỡng, cháu Th hiện còn rất nhỏ cần sự chăm sóc của chị. Chị Vân A có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung.

Về nơi ở hiện của chị và hai con: Chị được bố mẹ đẻ chị tạo điều kiện về nơi ăn chốn ở tốt nhất, hỗ trợ chị việc đưa đón các cháu đi mẫu giáo từ thời gian chị và các con về bố mẹ đẻ ở năm 2016 cho đến nay. Các con ở cùng bố mẹ chị đều mạnh khỏe, phát triển trí tuệ tốt.

Về thu nhập của bản thân chị: Hiện chị làm tại Công ty cổ phần Đầu tư và dịch vụ DMS Group Việt Nam, mức lương và thu nhập tổng các khoản là 10.050.000đ/tháng với thu nhập trên chị cũng đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung ai tài sản gì và ngược lại không ai nợ vợ chồng.

Về công sức: Vợ chồng không có công sức đóng góp gì cho hai bên gia

đình nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Phạm Ngọc T trình bày được thể hiện tại biên bản lấy lời khai và biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa:** Anh và chị Nguyễn Thị Vân A tự nguyện tìm hiểu, hai bên gia đình có tổ chức cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND phường LTN, thành phố Hải Dương vào ngày 14/9/2015. Sau khi kết hôn chị Vân A về sống cùng gia đình anh tại địa chỉ số 9/125 LTN, phường PNL, thành phố Hải Dương được khoảng 01 năm thì chị Vân A xin bố mẹ anh được về nhà bố mẹ đẻ chị Vân A cùng con ở tại địa chỉ 112 LĐC, phường HT, thành phố Hải Dương từ năm 2016 cho đến nay. Anh có đi lại và ở gia đình bố mẹ chị Vân A. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được thời gian khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do trong cuộc sống chị Vân A mâu thuẫn với người thân trong gia đình anh nên vợ chồng thường xuyễn cãi vã nhau, lúc nóng giận chị Vân A có ném đồ vào anh nên anh không kìm chế được bản thân anh có tát chị vài cái. Vợ chồng ở gia đình bố mẹ đẻ chị Vân A có mâu thuẫn vợ chồng không ở cùng phòng đã ly thân. Tiếp đó chị Vân A muốn ra ở riêng không muốn sống cùng anh do vậy tháng 01/2022 anh về nhà bố mẹ đẻ anh ở và vợ chồng cũng sống ly thân từ đó cho đến nay, chị Vân A và 02 con vẫn ở nhà bố mẹ đẻ chị. Vợ chồng mâu thuẫn hai bên gia đình có hòa giải cho vợ chồng nhưng không có kết quả. Quá trình anh làm việc tại Tòa án anh có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung. Nhưng tại phiên tòa chị Vân A vẫn cương quyết xin ly hôn anh, anh nhất trí ly hôn với chị Vân A.

*Về con chung: Anh và chị Vân A có hai con chung Phạm Ngọc Tùng D, sinh ngày 02/4/2016 và Phạm Phương Th, sinh ngày 24/5/2018. Hiện nay hai con do chị Vân A chăm sóc nuôi dưỡng. Qúa trình giải quyết vụ án anh không đồng ý ly hôn nhưng nếu tòa án giải quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con và tự nguyện không có yêu cầu chị Vân A cấp dưỡng tiền nuôi hai con vì anh hiện anh làm tại Trạm đường Cao Tốc Hà Nội- Hải Phòng, có thu nhập lương và các khoản thu nhập khác khoảng 10.000.000đ/tháng và có nơi ở ổn định tại nhà bố mẹ đẻ anh. Tại phiên tòa hôm nay anh vẫn xin được nuôi dưỡng hai con và tự nguyện không yêu cầu chị Vân A cấp dưỡng nuôi các con. Anh T không đồng ý để chị Vân A nuôi dưỡng hai con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không có nợ chung ai tài sản gì và ngược lại không ai nợ vợ chồng.

Về công sức: Vợ chồng không có công sức đóng góp gì cho hai bên gia đình nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án xác minh tại khu dân c- số 08 ph- ờng PNL, thành phố Hải D- ơng thể hiện: Anh T và chị Vân A vợ chồng mâu thuẫn anh chị không báo chính quyền

địa phương cùng các cấp hòa giải cho anh chị. Nay chị Vân A xin ly hôn anh T. Địa phương đề nghị Tòa án căn cứ giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

*Tòa án xác minh tại khu dân c- số 09 ph- ờng HT, thành phố Hải D- ơng thể hiện: Anh T và chị Vân A cùng hai con chung sống tại nhà bố mẹ đẻ chị Vân A từ năm 2017. Địa phương biết việc chị Vân A làm đơn ly hôn anh T nhưng việc anh chị mâu thuẫn anh chị không báo chính quyền địa phương cùng các cấp hòa giải cho anh chị. Nay chị Vân A xin ly hôn anh T địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào yêu cầu của anh chị để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- Tòa án lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Ph là mẹ đẻ chị Vân A trình bày: Chị Vân A với anh Phạm Văn T có tự nguyện tìm hiểu nhau. Gia đình có tổ chức cưới theo phong tục tập quán. Chị Vân A, anh T có đăng ký kết hôn tại UBND phường LTN, Thành phố Hải Dương vào tháng 9/2015. Sau khi cưới chị Vân A về sống chung cùng anh T tại gia đình bố mẹ đẻ anh T địa chỉ: số 9/125 LTN, phường PNL, thành phố Hải Dương thời gian khoảng 01 năm thì chị Vân A cùng con trai lớn (cháu D) về chung sống cùng gia đình bà và chị Vân A sinh con tiếp thứ hai (cháu Th) nhưng vẫn ở gia đình bà cho đến nay, anh T có khi đi khi về nhà bà. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận khoảng 03 năm và phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thường hay cãi vã nhau ngay tại nhà bà khi anh T ở lại nhà bà. Có nhiều lần bà gặp riêng anh T và khuyên hai vợ chồng nhưng không thay đổi. Tháng 9/2021 do nhà bố mẹ đẻ anh T xây nhà anh T xin đến ở nhà bà vợ chồng bà đồng ý. Khi anh T về sống cùng chị Vân A và các con tại gia đình bà, vợ chồng thường xuyên hay cãi cọ nhau. Anh T có trao đổi lại việc chị Vân A gửi đơn xin ly hôn ra Tòa án. Anh T đã về nhà bố mẹ đẻ anh T ở từ tháng 01/2022 cho đến nay và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hai bên gia đình thông gia không có mâu thuẫn gì. Trước tết nguyên đán mẹ đẻ anh T cùng cô ruột anh T có đến gia đình bà hỏi việc ly hôn của các cháu và gặp chị Vân A động viên nhưng chị Vân A vẫn cương quyết xin ly hôn anh T. Nay chị Vân A cương quyết xin ly hôn anh T việc tình cảm vợ chồng do anh chị quyết định. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Tòa án lấy lời khai của ông Phạm Đình Kh là bố đẻ anh T trình bày: Chị Vân A với anh Phạm Văn T có tự nguyện tìm hiểu nhau. Gia đình có tổ chức cưới theo phong tục tập quán. Chị Vân A, anh T có đăng ký kết hôn tại UBND phường LTN, Thành phố Hải Dương vào tháng 9/2015. Sau khi cưới chị Vân A về sống chung cùng anh T tại gia đình ông tại địa chỉ: số 9/125 LTN, phường PNL, thành phố Hải Dương thời gian chị Vân A cùng con trai lớn (cháu D) xin phép ông và gia đình được về chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ chị Vân A và anh T cũng về sống cùng chị Vân A tại nhà bố mẹ đẻ chị Vân A từ năm 2016. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận thời gian dài sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn ông không được biết và chứng kiến nhưng vợ ông đã gặp chị Vân A và mẹ đẻ chị Vân A, đã khuyên chị Vân A nhưng chị không thay đổi. Ông đã gặp và trao đổi với chị Vân A nhưng chị vẫn cương quyết được ly hôn anh T. Hai bên gia

đình thông gia không có mâu thuẫn gì. Tháng 01/2022 anh T đã trở về nhà ông ở và không ở chung cùng chị Vân A và hai con. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị Vân A cương quyết xin ly hôn anh T việc tình cảm do anh chị quyết định. Ông đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn của anh chị theo quy định pháp luật.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải D□ơng phát biểu ý kiến:**

Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX), Th- ký phiên tòa, ng- ời tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm HĐXX nghị án, đã thực hiện đúng trình tự quy định của Luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Á Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Vân A, xử chị Nguyễn Thị Vân A ly hôn anh Phạm Ngọc T.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Tùng D, sinh ngày 02/4/2016 cho anh Phạm Ngọc T, giao cháu Phạm Phương Th, sinh ngày 24/5/2018 cho chị Vân A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Anh T và chị Vân A có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Vân A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0001700 ngày 21/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị Vân A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Vân A làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh T. Anh T hiện cư trú tại số 9/125 LTN, phường PNL, thành phố Hải Dương. Do vậy vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

[2] Chị Nguyễn Thị Vân A và anh Phạm Ngọc T tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức c- ới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường LTN, thành phố Hải Dương ngày 14/9/2015 là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày kết hôn chị Vân A về sống chung cùng gia đình anh T được 01 năm thì chị và con trai lớn (cháu D) xin phép bố mẹ anh T về ở nhà bố mẹ đẻ chị từ năm 2016 cho đến nay. Quá trình ở gia đình bố mẹ đẻ chị vợ

chồng đã có mâu thuẫn hay xảy ra cãi cọ, đánh nhau. Hai bên gia đình có gặp và hòa giải cho vợ chồng nhưng không khắc phục được tình cảm. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng chị và anh T đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng vào tháng 10/2021 cho đến nay. Tháng 01/2022 anh T trở về nhà bố mẹ đẻ anh T ở cho đến nay và vợ chồng sống ly thân. Từ khi anh T về nhà bố mẹ đẻ anh T ở vợ chồng không tìm gặp trao đổi gì. Nay chị Vân A cương quyết xin ly hôn anh T, quá trình giải quyết vụ án anh T không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa anh T nhất trí ly hôn với chị Vân A. Từ những nhận định trên HĐXX xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Vân A, xử cho chị Vân A được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Chị Vân A và anh T có hai con chung Phạm Ngọc Tùng D, sinh ngày 02/4/2016 và Phạm Phương Th, sinh ngày 24/5/2018, hiện hai con ở với chị Vân A, chị Vân A có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con và tự nguyện không yêu cầu chị Vân Anh cấp dưỡng tiền nuôi hai con.

HĐXX xét thấy: Chị Vân A, anh T đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung là phù hợp pháp luật. Chị Vân A và anh T đều có công việc ổn định đều có thu nhập ngang nhau khoảng 10.000.000đ/tháng và đều được hai bên gia đình tạo nơi ở ổn định cho anh, chị và các con. Do vậy HĐXX xử giao con Phạm Ngọc Tùng D, sinh ngày 02/4/2016 cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng, giao con Phạm Phương Th, sinh ngày 24/5/2018 cho chị Vân A chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con chung hàng tháng cho nhau là phù hợp pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu anh chị có yêu cầu sẽ giải quyết ở vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Vân A phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm *Vì các lẽ trên;*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; 56; 58; 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia Đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, án phí, lệ phí Tòa án.

- Xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Vân A xin ly hôn anh Phạm Ngọc T.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị Vân A được ly hôn anh Phạm Ngọc T.

2. Về con chung xử: Giao cho chị Nguyễn Thị Vân A chăm sóc nuôi dưỡng con chung Phạm Phương Th, sinh ngày 24/5/2018, giao con chung Phạm Ngọc Tùng D, sinh ngày 02/4/2016 cho anh T nuôi dưỡng. Đến khi các con chung

trưởng thành đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị Nguyễn Thị Vân A, anh Phạm Ngọc T có quyền đi lại chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị Vân A và anh T không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Vân A phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được đối trừ 300.000đ vào khoản tiền 300.000đ do chị Vân A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0001700 ngày 20/12/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương; chị Vân A đó thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Vân A, anh Phạm Ngọc T đ- ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKS TP.Hải D- ơng;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Hải D- ơng;
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu H□ơng